

KẾ HOẠCH QUÍ I NĂM 2024

Hoạt động chương trình Chăm sóc Sức khỏe sinh sản năm 2024

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-KSBT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kiên Giang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2024;

Căn cứ kế hoạch số 162/KH-KSBT ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kiên Giang về việc hoạt động chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2024;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thực trạng tình hình triển khai công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh của Chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản trong toàn huyện năm 2024;

Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản xây dựng kế hoạch hoạt động Chương trình CSSKSS quý I như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung.

Cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản của người dân, tập trung vào giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh, đặc biệt ưu tiên các vùng khó khăn để giảm sự khác biệt về các chỉ tiêu sức khỏe, dinh dưỡng, tử vong mẹ, tử vong trẻ em giữa các vùng; Đồng thời tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng dự phòng các bệnh lây truyền từ mẹ sang con

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Cải thiện tình trạng sức khỏe bà mẹ, thực hiện tốt làm mẹ an toàn, chăm sóc, tư vấn sàng lọc trước sinh, mục đích theo dõi sức khỏe bà mẹ và quá trình phát triển thai nhi, phát hiện dị tật sơ sinh, bệnh tật mẹ.

2.2. Nâng cao tình trạng sức khỏe bà mẹ - trẻ em, sức khỏe sinh sản giảm tai biến sản khoa, giảm tử vong sơ sinh và tử vong mẹ.

2.3. Cải thiện tình hình sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của vị thành niên, thông qua việc giáo dục, tư vấn và cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với lứa tuổi.

2.4. Nâng cao công tác dự phòng HIV, viêm gan B và Giang mai lây truyền từ mẹ sang con.

Các chỉ tiêu chuyên môn.

SỨC KHỎE SINH SẢN		Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Chỉ tiêu giao cho các đơn vị thực hiện năm 2024			
				Hòn Tre	Lại Sơn	An Sơn	Nam Du
A	Chỉ tiêu kế hoạch hóa gia đình						
	Tổng số người sử dụng biện pháp tránh thai Trong đó	Lượt	322	77	91	77	77
1	Triệt sản	Lượt	0	0	0	0	0
2	Vòng tránh thai	Lượt	60	14	18	14	14
3	Thuốc uống tránh thai	Lượt	125	30	35	30	30
4	Thuốc tiêm tránh thai	Lượt	12	3	3	3	3
5	Thuốc cấy tránh thai	Lượt	0	0	0	0	0
6	Bao cao su	Lượt	125	30	35	30	30
B	Chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe bà mẹ						
1	Phá thai	Ca	0	0	0	0	0
2	Khám phụ khoa	Lượt	489	120	129	120	120
3	Điều trị phụ khoa	Lượt	216	52	60	52	52
4	Số phụ nữ đẻ	Người	59	13	20	13	13
	+ Trong đó: số đẻ tuổi vị thành niên	Người	1	0	1	0	0
5	Phụ nữ đẻ được khám thai ≥ 4 lần	Ca	53	13	14	13	13
	+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai ≥ 4 lần	%	90.0	90.0	90.0	90.0	90.0
6	Bà mẹ và trẻ em sơ sinh được chăm sóc sau đẻ	Ca	57	14	15	14	14
	+ Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau đẻ	%	97.0	97.0	97.0	97.0	97.0
7	Số ca tử vong mẹ	Ca	0	0	0	0	0
8	Tỷ suất tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ ra sống	‰	-	-	-	-	-
C	Chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe trẻ em						
1	Số trẻ đẻ ra sống	Trẻ	59	13	20	13	13
	+ Tỷ lệ trẻ đẻ ra sống được cân	%	100	100	100	100	100
2	Số trẻ tử vong < 1 tuổi	Trẻ	-	-	-	-	-

	+ Tỷ suất tử vong trẻ < 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰	-	-	-	-	-
3	Số trẻ tử vong dưới 5 tuổi	Trẻ					
	+ Tỷ suất tử vong trẻ < 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ ra sống	‰	-	-	-	-	-
D	Lây truyền HIV từ mẹ sang con (HIV-VG-GM)						
1	Số phụ nữ có thai được tư vấn HIV	Người	53	13	14	13	13
2	Số phụ nữ có thai được xét nghiệm máu	Người	41	10	11	10	10

2. Các hoạt động chính.

Thực hiện theo kế hoạch hoạt động Chương trình Chăm sóc Sức khỏe sinh sản Tỉnh

Tham mưu với BGD các giải pháp về hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản trên địa bàn huyện, đặc biệt tập trung vào tai biến sản khoa, giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh và tử vong trẻ em, giảm mang thai và phá thai tuổi vị thành niên; chăm sóc và tư vấn sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; tư vấn, hỗ trợ CSSKSS trẻ em phù hợp với độ tuổi.

2.1 Thông tin - giáo dục - truyền thông và tuyên truyền vận động.

- Phổ biến rộng rãi các thông tin liên quan đến các chính sách, các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản với các hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau nhằm nâng cao sự hiểu biết và khuyến khích các gia đình, các cặp vợ chồng, các cá nhân tự nguyện tham gia thực hiện các mục tiêu về sức khỏe sinh sản.

- Sử dụng đa dạng hình thức truyền thông, phát triển các loại tài liệu truyền thông thích hợp với từng nhóm đối tượng. Nâng cao năng lực truyền thông trực tiếp cho đội ngũ người cung cấp dịch vụ và truyền thông viên tại cộng đồng. Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại các cơ sở cung cấp dịch vụ.

2.2 Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ.

- Tăng cường công tác quản lý thai: Các bà mẹ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ để phát hiện sớm và đề phòng các tai biến sản khoa. Thực hiện đỡ đẻ có kỹ năng, an toàn, không sang chấn, nhận biết và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa. Tổ chức tốt việc chăm sóc sau đẻ đối với tất cả các sản phụ và trẻ sơ sinh, tại cơ sở y tế. Tư vấn, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng hợp lý trong "1000 ngày đầu đời";

- Tăng cường công tác tư vấn xét nghiệm sàng lọc viêm gan B cho phụ nữ mang thai, phụ nữ đẻ và các đối tượng có nguy cơ. Đảm bảo các cơ sở sản khoa có sinh đều có sẵn vắc-xin viêm gan B để tiêm cho trẻ sơ sinh, thực hiện tốt việc tư vấn tiêm

vắc-xin viêm gan B cho trẻ sơ sinh trong vòng 24 giờ.

- Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và phối hợp với khoa truyền thông- giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ.

2.3 Công tác chăm sóc sức trẻ em

- Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe trẻ em và phối hợp với khoa truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe trẻ em.

2.4 Phòng chống NKĐSS/NKLQĐTD và HIV/AIDS

- Cung cấp thông tin về phòng chống nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản và phối hợp với khoa truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng chống nhiễm khuẩn, ung thư sinh sản.

- Tổ chức lồng ghép các đợt khám, điều trị phụ khoa với tư vấn phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản, phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.

- Thực hiện tốt tư vấn và xét nghiệm dự phòng lây truyền HIV/AIDS cho bà mẹ mang thai để phát hiện sớm và có cách dự phòng, giảm tỉ lệ lây truyền từ mẹ sang con.

- Có kế hoạch cho cán bộ làm công tác Sức khỏe sinh sản xét nghiệm đưa Test nhanh HIV dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con đến tận xã, phường nơi có thực hiện dịch vụ Sức khỏe sinh sản.

- Quản lý, phân loại nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục.

- Dự phòng và phát hiện sớm các bệnh nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản.

- Thực hiện phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, tiến tới dự phòng các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con bao gồm cả giang mai và viêm gan B.

2.5 Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Cung cấp thông tin về kế hoạch hóa gia đình và phối hợp với khoa truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về kế hoạch hóa gia đình

- Thực hiện tốt việc quản lý số liệu thực hiện KHHGD tại các địa phương.

- Các cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD cần có sẵn các phương tiện, dụng cụ tránh thai. Đảm bảo việc tư vấn, vận động sử dụng biện pháp tránh thai

2.6 Tổ chức hệ thống cung cấp dịch vụ.

- Kế hoạch hoá gia đình: Thực hiện các biện pháp tránh thai, cung cấp rộng rãi các phương tiện tránh thai, cung cấp đầy đủ bao cao su và các biện pháp để kết hợp phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS.

- Bảo đảm cung cấp các dịch vụ chăm sóc trước, trong và sau khi sinh; chăm sóc sơ sinh thiết yếu ngay sau sinh theo chuẩn Hướng dẫn Quốc gia.

- Thực hiện hướng dẫn áp dụng lựa chọn BPTT phù hợp.
- Dự phòng và điều trị các nhiễm khuẩn đường sinh sản, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS theo Hướng dẫn Quốc gia về Chăm sóc SKSS.

2.7 Xã hội hoá, hợp tác liên ngành.

- Huy động sự tham gia của nhân dân, của toàn xã hội vào việc thực hiện các hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản thông qua việc lồng ghép các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản vào các kế hoạch, chương trình hành động của các ngành, các đoàn thể, các địa phương.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các ban, ngành, đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản.

3. Các giải pháp thực hiện.

Để thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch giao cho mạng lưới SKSS quý 1 năm 2024, cần phối hợp chặt chẽ với địa phương. Các giải pháp sau cần được ưu tiên thực hiện:

- Lồng ghép các dịch vụ KHHGD, từng bước lồng ghép một số các hoạt động mới của SKSS. Gắn thông tin - giáo dục truyền thông với nâng cao chất lượng dịch vụ trong xã hội hóa các biện pháp tránh thai; Giảm tỷ lệ nạo hút thai và đảm bảo phá thai an toàn;

- Tăng cường hướng dẫn tư vấn và phòng chống các bệnh lây qua đường tình dục, nhiễm khuẩn đường sinh sản, test nhanh HIV cho phụ nữ mang thai phòng lây truyền 3 bệnh (HIV, giang mai, viêm gan B) từ mẹ sang con

- Tăng cường công tác Quản lý thai tại các tuyến y tế cơ sở, Các bà mẹ có thai được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 kỳ để phát hiện sớm và đề phòng các tai biến sản khoa.

- Thực hiện Chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh trong lúc đẻ theo QĐ 4673/QĐ-BYT ngày 10/11/2014; Nhận biết và xử trí kịp thời các tai biến sản khoa. Tổ chức tốt việc chăm sóc sau đẻ đối với tất cả các sản phụ và trẻ sơ sinh, tại cơ sở y tế. Tư vấn, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và dinh dưỡng hợp lý.

II. Kinh phí

Kinh phí: Sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên của chương trình, kinh phí thường xuyên của đơn vị đã được BGD phê duyệt năm 2024

Nơi nhận:

- TTKSBT tỉnh (để báo cáo);
- BGD TTYT (để chỉ đạo);
- Các khoa/phòng, Trạm Y tế;
- Lưu: VT, ttpuong



Nguyễn Văn Căn